TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2024/DS-PT
Ngày: 09-8-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Lê Hùng Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 25-9-2023).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Dũng Ch, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu dân cư H, Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Dũng Ch - Bị đơn;

(Ông Ch và ông D có mặt; ông B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C do ông Lê Văn B đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có mua thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản tại đại lý do bà Nguyễn Thị C làm chủ hộ kinh doanh từ ngày 06-5-2019 đến ngày 01-10-2019. Ông Ch và ông D còn nợ số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Hai bên có lập bản đối chiếu công nợ vào ngày 01-10-2019 số tiền ông Ch và ông D nợ bà C là 168.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng kể từ thời điểm mua. Ông Ch có hứa trả từ từ theo tháng. Tuy nhiên, phía bà C liên hệ nhiều lần nhưng ông Ch và ông D không trả số nợ như đã thỏa thuận. Sau đó, hai bên tiếp tục lập bản đối chiếu công nợ vào ngày 14-02-2022, ông Ch có hứa sẽ trả sớm số nợ trên. Sau đó đến tháng 3 năm 2022, ông Ch có trả được 30.000.000 đồng, ông Ch và ông D còn nợ lại 138.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2022 ông Ch và ông D không trả thêm khoản nào. Bà C khởi kiện yêu cầu ông Ch và ông D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ thời điểm trả số tiền 30.000.000 đồng đến thời điểm làm đơn khởi kiện, mức lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi tạm tính là 31.050.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi tạm tính là 169.050.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và không có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 138.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ thời điểm trả 30.000.000 đồng là tháng 3 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi. Về thời gian trả, hiện nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi tròn tháng từ thời điểm tháng 3 năm 2022 đến hết tháng 4 năm 2022, không yêu cầu tính lãi các ngày lẻ. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của nguyên đơn còn yêu cầu ông Ch và ông D phải trả lãi phát sinh khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 4, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 288, 430, 434, 440, 357,468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C: Buộc ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là gốc là 138.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 51.750.000 đồng (Năm mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi phải trả là 189.750.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-6-2024, bị đơn ông Nguyễn Dũng Ch kháng cáo yêu cầu đối chiếu công nợ theo hóa đơn; cách tính lãi suất là cao nên không đồng ý; xác định trách nhiệm trả nợ của mỗi người.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông Ch trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D trả số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ thời gian trả số tiền 30.000.000 đồng, vào tháng 3 năm 2022. Xét thấy:

Về số nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp 02 bản đối chiếu công nợ vào ngày 01-10-2019 và ngày 14-02-2022. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01-10-2019 có thể hiện số tiền ông Ch và ông D mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi cá còn nợ bà C số tiền là 168.324.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng kể từ thời điểm mua. Biên bản đối chiếu công nợ còn thể hiện việc mua bán diễn ra từ ngày 06-5-2019 đến ngày 01-10-2019. Biên bản đối chiếu nợ ngày 14-02-2022 thể hiện ông Ch và ông D mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ số tiền 168.000.000 đồng. Cả hai bản đối chiếu công nợ ông Ch là người đại diện ký tên. Do đó, xét thấy trình bày của nguyên đơn về việc ông Ch và ông D cùng nuôi cá tra bột chung, có mua thức ăn, thuốc thủy sản tại đại lý do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị bà C làm chủ hộ kinh doanh, ông Ch và ông D nợ bà C số tiền 168.000.000 đồng là có cơ sở. Phía nguyên đơn bà C cũng đã chủ động trừ lại số tiền mà ông Ch trả sau khi đối chiếu công nợ lần thứ hai với số tiền trả 30.000.000 đồng, trả vào tháng 3 năm 2022, số nợ còn lại là 138.000.000 đồng có lợi cho bị đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông

Ch và ông D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 138.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại văn bản đối chiếu công nợ có ghi rõ mức lãi suất chậm trả là 2%/tháng, lãi tính từ ngày mua. Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất và thời gian tính lãi cụ thể. Tuy nhiên, ông Ch và ông D đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng thay vì 2% và tính lãi tròn tháng, không yêu cầu tính lãi số ngày lẻ cho đến thời điểm giải quyết là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định của pháp luật, nên ông Ch kháng cáo cho rằng lãi cao là không có căn cứ. Do đó, bà C yêu cầu ông Ch và ông D trả tiền lãi có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật. Cụ thể, tại Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán và về lãi chậm trả.

Ông Ch kháng cáo không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh việc chốt nợ và nghĩa vụ riêng biệt của ông Ch, ông D, hơn nữa ông Ch là người ký vào bản đối chiếu công nợ. Nay căn cứ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Dũng Ch; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 08-05-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Dũng Ch đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Ch kháng cáo yêu cầu đối chiếu công nợ theo hóa đơn; cách tính lãi suất là cao nên không đồng ý; xác định trách nhiệm trả nợ của mỗi người.

[2] Bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng mua bán nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản" và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trần Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, cần phải xác định lại ông Trần Văn D là bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C do ông Lê Văn B đại diện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Ch và ông D liên đới trả số tiền mua thức ăn thủy sản và thuốc còn nợ là 138.000.000 đồng Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian yêu cầu tính lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trọn tháng từ tháng 3 năm 2022 đến hết tháng 4 năm 2024 theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Do đó, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét thấy:

[6] Bà C cung cấp 02 bản đối chiếu công nợ vào ngày 01-10-2019 và ngày 14-02-2022. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01-10-2019 có thể hiện số tiền ông Ch và ông D mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi cá còn nợ bà C là 168.324.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng kể từ thời điểm mua, Biên bản đối chiếu nợ còn thể hiện việc mua bán diễn ra từ ngày 06-5-2019 đến ngày 01-10-2019. Ông Ch là người đại diện ký đối chiếu công nợ. Tại Biên bản đối chiếu nợ ngày 14-02-2022 thể hiện nội dung tương tự, ông Ch và ông D còn nợ số tiền 168.000.000 đồng. Ông Ch là người đại diện ký đối chiếu công nợ.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ch và ông D thừa nhận tổng số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn thiếu bà C là 168.000.000 đồng, 02 bản đối chiếu công nợ vào ngày 01-10-2019 và ngày 14-02-2022 là do ông Ch ký, đã trả 30.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2022 nên còn nợ 138.000.000 đồng.

[8] Về tiền lãi: Tại văn bản đối chiếu công nợ có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 2%/tháng, lãi tính từ ngày mua. Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất và thời gian tính lãi cụ thể. Tuy nhiên, ông Ch và ông D đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng và tính lãi tròn tháng, không yêu cầu tính lãi số ngày lẻ cho đến thời điểm giải quyết là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Tiền lãi phải trả được tính như sau: Từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 4 năm 2024 là 51.750.000 đồng (138.000.000 đồng x 02 năm 01 tháng x 1,5%/tháng). Tổng cộng gốc và lãi phải trả là 189.750.000 đồng.

[10] Ông Ch kháng cáo yêu cầu đối chiếu công nợ theo hóa đơn nhưng không cung cấp được hóa đơn để đối chiếu. Hơn nữa, ông Ch và ông D cũng thừa nhận số nợ còn thiếu bà C là 168.000.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 14-02-2022 nghĩa là đã đối chiếu công nợ xong nên ông Ch mới ký chốt nợ vào văn bản nêu trên; ông Ch và ông D thừa nhận còn thiếu bà C tổng cộng 138.000.000 đồng nhưng không rõ từng người thiếu bà C là bao nhiêu nên không thể xác định được số tiền cụ thể của từng người thiếu bà C là bao nhiêu.

[11] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C: Buộc ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là gốc là 138.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 51.750.000 đồng là có căn cứ.

[12] Kháng cáo của ông Ch là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định tư cách ông D là chưa đúng và quyết định không tuyên trách nhiệm liên đới là thiếu sót nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

[13] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Ch là có căn cứ.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Dũng Ch;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 4, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 288, 430, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C.

Buộc ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn thiếu là 138.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 51.750.000 đồng. Tổng cộng 189.750.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.226.250 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0003390, ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ông Nguyễn Dũng Ch và ông Trần Văn D có trách nhiệm liên đới chịu 9.487.500 đồng (Chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Dũng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003673 ngày 12-6-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Thạnh để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu